TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:05/2023/DS-ST
Ngày: 21-3-2023
" V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: M Văn Tài

Bà Nguyễn Thúy Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét sử sơ thẩm công khai vụ kiện thụ lý số 187/2021/TLDS–ST, ngày 28 tháng 12 năm 2021 về " Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét sử số 10/2023/ QĐXX, ngày 15 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: tổ 37, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 5, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 17/01/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 13, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Vào năm 2020 vợ chồng ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M có mua vật tư xây dựng với số tiền 74.848.000 đồng, đến ngày 7-9-2020 trả được 30.000.000 đồng, còn nợ

lại 44.848.000 đồng. Ngoài ra ông T, bà M còn mua đồ gỗ nội thất của bà L với số tiền 80.800.000 đồng. Tổng cộng tiền vật tư và đồ gỗ nội thất ông T, bà M còn nợ 125.648.000 đồng, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà M trả, nhưng ông T, bà M hẹn hết lần này đến lần khác. Nay yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M trả số tiền 125.648.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M trình bày: Theo lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông T, bà M thừa nhận của mua có mua vật tư xây dựng của bà Đặng Thị L với số tiền 74.848.000 đồng, đến ngày 7-9-2020 trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 44.848.000 đồng. Ngoài ra ông T, bà M còn mua đồ gỗ nội thất của bà L với số tiền 80.800.000 đồng. Tổng cộng tiền vật tư và đồ gỗ nội thất ông T, bà M còn nợ của bà Đặng Thị L số tiền 125.648.000 đồng. Nay ông T, bà M đồng ý trả tiền đồ gỗ nội thất 80.800.000 đồng, còn số tiền 44.484.000 đồng vật tư xây dựng do gạch dán tường không đạt chất lượng bị nổ nứt, thiết bị rĩ sét, bức tranh bị đổi màu nên ông, bà không đồng ý trả.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông T, bà M được triệu tập hợp L để tham gia hòa giải, nhưng ông T, bà M vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông T, bà M trả số tiền 125.648.000 đồng.

Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M đã được Tòa án triệu tập hợp L để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không rỏ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Việc chấp hành của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 71 BLTTDS. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp L nhưng vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 19-01-2022 ông T, bà M thừa nhận có nợ số tiền mua nội thất của bà L 80.800.000 đồng và tiền mua vật tư là 44.848.000 đồng. Nhưng do bà M và ông T sau khi xây dựng nhà xong thì gạch dán tường bị nổ và nứt, thiết bị rĩ sét, bức tranh bị đổi màu đã yêu cầu bà L sửa chữa, nhưng bà L không sửa chữa nên không đồng ý trả số tiền 44.848.000 đồng mà chỉ đồng ý trả số tiền mua nội thất là 80.800.000 đồng.

Nhận thấy, bà L đã thông báo cho nhà cung cấp đến khảo sát phần gạch và thiết bị rĩ sét, kết quả căn cứ vào công văn số 38 ngày 04-12-2021 của Công ty cổ

phần gạch Ta Sa phúc đáp lô gạch đã cung cấp cho bà M, ông T đảm bảo đúng chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam đã cung cấp và thư phản hồi khiếu nại ngày 21-01-2022 của Tôn Đông Á kết luận lỗi rĩ sét do trong quá trình thi công không vệ sinh mạt sắt sau khi lợp.

Ngày 19-4-2022, ông T và bà M có đơn yêu cầu xem xét thẩm định đến ngày 07-6-2022 thì có đơn yêu cầu giám định chất lượng gạch nhưng sau khi lựa chọn cơ quan trưng cầu giám định thì không ký hợp đồng và đã rút lại yêu cầu giám định, ngoài ra Thẩm phán đã có quyết định yêu cầu ông T, bà M cung cấp chứng cứ, chứng minh gạch dán tường không đạt chất lượng dẫn đến bị nỗ nứt, thiết lợp nhà bị rĩ sét, bức tranh treo tường bị đổi màu không đạt chất lượng nhưng ông T, bà M không cung cấp được chứng cứ.

Ngày 03-11-2022 Thẩm phán ban hành quyết định xem xét thẩm định tại chỗ nhưng sau đó không thể tiến hành vì ông T và bà M đóng cửa, không rõ đi đâu, đã tiến hành xác minh ngày 22-11-2022 địa phương cho biết ông T, bà M đã đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có quay về địa phương. Do đó, nhận thấy việc ông T, bà M đã mua vật liệu xây dựng của bà L và cho rằng do vật liệu không đảm bảo chất lượng nên không trả lại số tiền còn nợ là không có căn cứ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà L buộc ông T, bà M trả cho bà L số tiền mua nội thất 80.800.000 đồng và tiền mua vật tư là 44.848.000 đồng.

Ông T, bà M phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M có nơi cư trú tại ấp An Ninh, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M đã được triệu tập hợp L để tham gia phiên tòa vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà M là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: bà Đặng Thị L khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M trả tiền mua vật liệu xây dựng là 44.848.000 đồng và

80.800.000 đồng tiền đồ gỗ nội thất. Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch mua bán giữa các bên tuy không được xác lập bằng hình thức văn bản. Nhưng qua lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa thì các bên đều thừa nhận có mua bán với nhau. Bị đơn ông T, bà M cũng thừa nhận có mua vật liệu xây dựng của bà Đặng Thị L, còn nợ số tiền vật liệu xây dựng là 44.848.000 đồng và 80.800.000 đồng đồ gỗ nội thất. Từ đó, đủ cơ sở để xác định giữa bà Đặng Thị L và ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M đã có thỏa thuận xác lập mua bán.

Trong giao dịch này bà L là người bán đã giao đủ, đúng số lượng, chất lượng cho ông T, bà M. Lẽ ra bên mua là ông T, bà M nhận đủ hàng phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho bên bán là bà L. Tuy nhiên, ông T, bà M cho rằng đối với khoản tiền mua vật tư xây dựng, ông T, bà M không đồng ý trả cho bà L là do gạch dán tường bà L bán không đạt chất lượng, gạch bị nổ nứt, thiết bị rĩ sét, bức tranh treo tường bị đổi màu. Ông T, bà M đã nhiều lần yêu cầu bà L sửa chữa, nhưng không đạt yêu cầu.

Qua ý kiến của ông T và bà M, bà L đã thông báo cho nhà cung cấp đến khảo sát phần gạch và thiết bị rĩ sét, kết quả khảo sát của nhà cung cấp cấp gạch có văn bản trả lời theo nội dung văn bản số 38 ngày 04-12-2021 của Công ty cổ phần gạch Ta Sa phúc đáp lô gạch đã cung cấp cho bà M, ông T đảm bảo đúng chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam đã cung cấp và thư phản hồi khiếu nại ngày 21-01-2022 của Tôn Đông Á kết luận lỗi rĩ sét do trong quá trình thi công không vệ sinh mạt sắt sau khi lợp.

Ngày 19-4-2022, ông T và bà M có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và ngày 07-6-2022 ông T, bà M có đơn yêu cầu giám định chất lượng gạch và các bên thỏa thuận lựa chọn cơ quan trưng cầu giám định là Công tư cổ phần tư vấn xây dựng và giao thông An Giang. Ngày 27-6-2022 Tòa án có thông báo số 27/TB-TA, ngày 27-6-2022 về nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, ông Lê Văn T có đơn xin rút lại yêu cầu trưng cầu giám định, không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định. Bà Nguyễn Thị Trúc M, tòa án đã triệu tập để ghi nhận ý kiến, nhưng bà M không hợp tác, do vậy Tòa án không thể ghi nhận ý kiến bà M. Bên cạnh đó bà M cũng không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền chi phí tố tụng theo yêu cầu của Tòa án. Do vậy, Tòa án không thể thực hiện công tác trưng cầu giám định theo yêu cầu của bà M.

Ngày 22-11-2022 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của ông T, bà M. Tuy nhiên Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ không thể tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, vì ông T và bà M đóng cửa, khóa cổng rào không rõ đi đâu. Tòa án tiến hành đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Trúc M vào ngày 22-11-2022 tại địa phương cho biết ông T, bà M đã đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có quay về địa phương.

Bên cạnh đó, quá trình tố tụng, Tòa án đã yêu cầu ông T, bà M cung cấp chứng cứ, nhưng ông T, bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu

cầu của mình, nên việc ông T, bà M nại rằng gạch dán tường bà L không đạt chất lượng bị nổ nứt, thiết bị rĩ sét, bức tranh bị đổi màu nên ông, bà không đồng ý trả tiền vật tư xây dựng 44.848.000 đồng cho bà L là không có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Đặng Thị L khởi kiện yêu ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M phải trả số tiền vật liệu xây dựng là 44.848.000 đồng và 80.800.000 đồng đồ gỗ nội thất. Tổng cộng là 125.648.000 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 433, Điều 440 Bộ luật Dân sự.

[4] Về yêu cầu tính tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị L không yêu cầu tính tiền lãi suất. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình tố tụng ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M yêu cầu thẩm định tại chỗ và đóng tạm ứng chi phí thẩm định 500.000 đồng. Theo bản quyết toán ngày 22-11-2022 của Tòa án chi phí xem xét thẩm định 500.000 đồng. Hội đồng xét xử buộc ông T, bà M tự chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà Đặng Thị L được chấp nhận nên L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M phải chịu 5% án phí đối với số tiền mà bà L yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430; Điều 433; Điều 440 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và L phí Toà án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L đối với ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M về "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M có trách nhiệm phải trả cho bà Đặng Thị L số tiền 125.648.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn đồng), trong đó: Tiền vật tư xây dựng là 44.848.000 đồng; đồ gỗ nội thất là 80.800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M phải chịu 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) tiền chi phí tố tụng (ông T, bà M đã nộp đủ).

Về án phí:

Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Trúc M phải chịu 6.282.400 đồng (Sáu triệu hai trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị L được nhận lại 1.121.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi mốt ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008080, ngày 10-12-2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi Cục THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Nữ Ngọc Lan